

Số: 114 /BC-UBND

Tân Quang, ngày 24 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành.

Công tác cải cách hành chính luôn được Đảng và Nhà nước ta tập trung chỉ đạo và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương; hàng năm UBND xã đều ban hành kế hoạch CCHC; cử cán bộ, công chức tích cực tham gia tập huấn các chuyên đề: rà soát thủ tục hành chính, thực hiện mô hình một cửa, sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính; quán triệt đến từng cán bộ, công chức những nội dung công việc cụ thể, gắn với triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước như: Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh về CCHC nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025;

Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 15/01/2022 của UBND xã Tân Quang ban hành kế hoạch cải cách hành chính xã Tân Quang giai đoạn 2021-2025. Với mục tiêu đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC) nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, công khai, minh bạch nâng cao trách nhiệm của mỗi công chức, viên chức, người lao động; xây dựng hệ thống quản lý hành chính hoạt động hiệu lực hiệu quả trên địa bàn xã. Công tác chỉ đạo điều hành về CCHC của xã tập trung vào việc ban hành các văn bản chỉ đạo, đơn đốc triển khai thực hiện. Từ năm 2021 đến nay, UBND xã đã ban hành 110 văn bản, trong đó, có 45 quyết định, 55 kế hoạch, 05 thông báo, 05 công văn về các nội dung liên quan đến chỉ đạo, điều hành, thực hiện CCHC như: Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, tuyên truyền, kiểm tra công tác CCHC, chuyển đổi số, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức tại cơ quan.

Triển khai nhiệm vụ CCHC hàng năm một cách có nề nếp bằng việc ban hành kế hoạch CCHC, kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC, kế hoạch tự kiểm tra công tác CCHC. Trên cơ sở đó, công chức UBND xã bám sát với kế hoạch CCHC để tham mưu triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định. UBND xã đã ban hành các Quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức để thực hiện tốt công tác CCHC khi có sự thay đổi về nhân sự; phân công cán bộ, công chức phụ trách công tác chuyển đổi số, công tác an toàn thông tin mạng tại

UBND xã Tân Quang; kiện toàn bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại UBND xã. Trong 5 năm qua công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của xã đã được tiến hành, thông qua việc xác định chỉ số CCHC và khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của công chức thực hiện nhiệm vụ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC. Từ đó, nhìn nhận thực chất kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC và nhận thức sâu sắc hơn về những mong muốn của người dân, tổ chức, kịp thời có giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao chất lượng phục vụ của địa phương. Trong 5 năm xã đều đứng đầu huyện trong công tác CCHC

- Về xây dựng và thực hiện kế hoạch CCHC

Giai đoạn 2021-2025, UBND xã đã ban hành các kế hoạch về thực hiện CCHC giai đoạn 2012-2025 và kế hoạch hàng năm trên địa bàn xã¹. Bên cạnh đó, UBND xã ban hành nhiều kế hoạch, thông báo... để cụ thể hoá thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch năm đã đề ra.

2. Kiểm tra việc thực hiện

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra hàng năm:

Hàng năm UBND xã xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tự kiểm tra nội bộ hoạt động kiểm soát TTHC và việc tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa tại UBND xã. Xây dựng Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14/02/2023 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 12/01/2024 Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 15/01/2024 khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC năm 2023; Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 20/01/2025 về thực hiện tự kiểm tra CCHC và công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2025; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 11/3/2025 về khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC năm 2024.

- Đánh giá tác động của công tác kiểm tra:

Qua công tác tự kiểm tra tại bộ phận một cửa xã, các bước tiếp nhận, cách thực hiện, thành phần hồ sơ, biểu mẫu, trình tự thực hiện, lưu trữ hồ sơ đều đảm bảo. Ngoài ra, UBND xã phối hợp và phục vụ tốt công tác kiểm tra từ các đơn vị cấp trên hàng năm theo kế hoạch của UBND tỉnh, UBND huyện.

3. Thông tin, tuyên truyền

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC hàng năm: UBND xã đã ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC hàng năm²

- Kết quả thực hiện kế hoạch: Công tác tuyên truyền được thực hiện với nhiều hình thức như: Pano, băng rôn dọc các tuyến đường chính, trên đài truyền

¹ Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 27/01/2021 về CCHC xã Tân Quang năm 2021; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 15/01/2022 về CCHC xã Tân Quang giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 04a/KH-UBND ngày 15/02/2022 về CCHC xã Tân Quang năm 2022; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 10/01/2023 về CCHC nhà nước xã Tân Quang năm 2023; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 8/01/2024 về CCHC nhà nước xã Tân Quang năm 2024; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2025 về CCHC nhà nước xã Tân Quang năm 2025.

² Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 29/01/2021 về tuyên truyền CCHC năm 2021; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 20/01/2022 về tuyên truyền CCHC năm 2022; Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 về việc phân công công tác và ký văn bản của Chủ tịch, phó chủ tịch xã nhiệm kỳ 2021-2026 và quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 ban hành nội quy tiếp công dân tại trụ sở UBND xã; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 10/01/2023 về tuyên truyền CCHC năm 2023; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 08/01/2024 về tuyên truyền CCHC năm 2024; Kế hoạch số 11/Kh-UBND ngày 10/01/2025 về tuyên truyền CCHC năm 2025.

thanh, đăng tải các tin, bài, trên Cổng thông tin điện tử; cập nhật bộ thủ tục mới ban hành hoặc sửa đổi bổ sung, thay thế và lồng ghép tuyên truyền pháp luật về CCHC với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được:

Nhận thức của cán bộ, công chức, đảng viên và quần chúng Nhân dân về vai trò, sự cần thiết, quan điểm, mục tiêu thực hiện CCHC ngày càng nâng cao. Bước đầu huy động được cả hệ thống chính trị tham gia công tác CCHC. Người đứng đầu đã thể hiện sự quyết liệt, thường xuyên, trực tiếp và chỉ đạo cụ thể trong thực hiện CCHC; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành từng quý, từng năm gắn với việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện CCHC đã trở thành nhiệm vụ thường xuyên và phát huy những mặt tích cực, chỉ ra những mặt hạn chế, góp phần đẩy mạnh công tác CCHC của trên địa bàn xã.

Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông giúp cho việc thực hiện thủ tục hành chính được đơn giản hoá, người dân chỉ đến một nơi để nộp hồ sơ và cũng đến chính nơi đó để nhận kết quả, không còn tình trạng người dân phải đi qua nhiều cửa để giải quyết một công việc nhất định, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân.

Công tác CCHC được quan tâm chỉ đạo, nhất là các TTHC được niêm yết, công khai đầy đủ; các dịch vụ công được tích hợp kịp thời đã đem lại tiện ích, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân khi tham gia.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin có nhiều tiến bộ, dịch vụ công trực tuyến dần phát huy được hiệu quả. Các ứng dụng chính quyền điện tử triển khai trong thời gian qua đã đi vào vận hành ổn định và mang lại những hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, tăng tính minh bạch, tính tương tác giữa cơ quan nhà nước với người dân và doanh nghiệp, được người dân đồng thuận và đánh giá cao.

b) Tồn tại, hạn chế

Tuy nhiên việc triển khai các văn bản CCHC của Trung ương, Tỉnh chưa được thường xuyên, chưa rộng khắp đến Nhân dân, để các tổ chức và công dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Nguồn lực cho cải cách hành chính còn hạn chế.

Việc khai thác sử dụng hệ thống thông tin, triển khai các phần mềm dùng chung, số hóa hồ sơ thủ tục hành chính và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (nay là toàn trình và một phần) còn chậm, hiệu quả chưa cao.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP, Kế hoạch số 184/KH-UBND, nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

Trong 5 năm qua việc duy trì, nâng cao chất lượng công tác tham mưu, xây dựng, ban hành các văn bản mang tính quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền HĐND, UBND xã tiếp tục được chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định.

- Công tác xây dựng, ban hành và quản lý văn bản, UBND xã được Đảng ủy, HĐND xã thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, giám sát và thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, nhắc nhở, đôn đốc trong quá trình thực hiện đối với cán bộ, công chức ở các bộ phận chuyên môn. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND xã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành, quản lý, lưu trữ văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- UBND xã chỉ đạo công chức Tư pháp - hộ tịch phối hợp với Văn phòng - Thống kê xã thực hiện công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã ban hành để tham mưu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung, thay thế, bãi bỏ cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành.

- Hằng năm UBND xã ban hành kế hoạch và thực hiện tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của địa phương.

- Công tác tuyên truyền về thực hiện cải cách thủ tục hành chính được UBND xã lồng ghép tại các hội nghị Đảng ủy, Chính quyền, các ngành đoàn thể, các thôn và tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã là 50 bài, truyền truyền trên Cổng thông tin điện tử của xã tới toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân được biết và hiểu về CCHC tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đến giao dịch và làm việc. Đồng thời niêm yết công khai các bộ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Cổng thông tin điện tử xã.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của HĐND và UBND xã còn một số sai sót về kỹ thuật trình bày, nội dung chưa được sát thực với thực tiễn địa phương, mang tính chung chung.

- Chưa kịp thời trong việc khắc phục sai sót đối với những văn bản QPPL đã được cấp có thẩm quyền chỉ ra qua kiểm tra.

- Nguyên nhân: Công chức làm công tác tham mưu ban hành văn bản QPPL chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, công việc kiêm nhiệm, chưa dành nhiều thời gian nghiên cứu văn bản, quy định của các cấp để thực hiện tham mưu được tốt; việc góp ý kiến đối với văn bản QPPL tại địa phương còn hạn chế, chưa có nhiều ý kiến góp ý để văn bản được hoàn thiện.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện. Thống kê số nhiệm vụ/chỉ tiêu, mục tiêu đã hoàn thành theo Nghị quyết số 76/NQ-CP, Kế hoạch số 184/KH-UBND và đánh giá cụ thể các nhiệm vụ sau:

a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định.

Tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo các quy định của Chính phủ: Hàng năm, UBND xã ban hành quyết định đơn giản hoá rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục, hồ sơ tạo thuận lợi, giảm thiểu chi phí cho công dân, tổ chức khi thực hiện giải quyết TTHC.

b) Về kiểm soát thủ tục hành chính

- Việc rà soát, thống kê và đơn giản hóa các TTHC nội bộ theo quy định: UBND xã đã thực hiện rà soát, rút ngắn một số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND xã

- Việc đối thoại, tổ chức lấy ý kiến và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính.

- Thực hiện công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức cá nhân trên Cổng thông tin điện tử xã, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã để tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân.

Từ năm 2021 đến nay UBND xã chưa nhận được 01 phản ánh, kiến nghị của người dân về TTHC.

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định. Vận hành, sử dụng hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- UBND xã chỉ đạo Công chức Văn phòng - Thống kê phối hợp với bộ phận chuyên môn thực hiện cập nhật các TTHC liên quan đến người dân đã được cấp có thẩm quyền công bố thuộc thẩm quyền giải quyết vào thực hiện theo cơ chế một cửa; niêm yết công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC và các biểu mẫu hướng dẫn kèm theo tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã và trên Trang thông tin điện tử xã Tân Quang.

- Sau khi UBND tỉnh ban hành các văn bản liên quan đến TTHC, UBND xã đều thực hiện cập nhật, công khai, minh bạch, rõ ràng tất cả các loại thủ tục hành chính tại trụ sở UBND xã, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và cập nhật đầy đủ trên trang thông tin điện tử của xã <https://tanquang.vanlam.hungyen.gov.vn> để tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện đúng quy định, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp và thực hiện quyền giám sát đối với cán bộ, công chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- Bố trí máy tính có kết nối mạng đặt tại bộ phận một cửa để phục vụ công dân tra cứu hồ sơ thủ tục hành chính cũng như nộp hồ sơ trực qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

d) Việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

Trong những năm qua, UBND xã đã thực hiện hiệu quả việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Nhờ đó, đã góp phần làm thay đổi cơ bản mối quan hệ giữa chính quyền và người dân; xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, phục vụ, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi đến giao dịch với cơ quan hành chính nhà nước. Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân của một cơ quan có thẩm quyền thông qua Bộ phận Một cửa.

Việc tổ chức thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại UBND xã đã tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức rút ngắn thời gian, tiết kiệm kinh phí, có thể tra cứu theo dõi tình hình giải quyết hồ sơ dễ dàng, thuận tiện; lãnh đạo cơ quan để theo dõi tình hình giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị, kịp thời nhắc nhở đối với các hồ sơ có khả năng trễ hạn; công chức

chuyên môn có thể phân bổ thời gian hợp lý để tham mưu giải quyết thủ tục hành chính; góp phần nâng cao năng lực trách nhiệm của cán bộ, công chức về chuyên môn nghiệp vụ, về kỹ năng xử lý công việc cũng như tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân; xây dựng mối quan hệ thân thiện, hòa nhã giữa công chức và Nhân dân, tạo được lòng tin của Nhân dân đối với đội ngũ thực thi công vụ và bộ máy hành chính Nhà nước, góp phần nâng cao tính minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

Nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đến nay UBND xã đã thực hiện số hóa tại chỗ theo đúng lộ trình. Bên cạnh đó, xã tiếp tục duy trì thực hiện tốt việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thông qua phần mềm một cửa điện tử, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn đều đạt 100%.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến. (Lấy số liệu từ năm 15/12/2020 đến 31/3/2025)

- + Tổng số TTHCC đã cung cấp Dịch vụ công trực tuyến một phần: 155 thủ tục

- + Tổng số TTHCC đã cung cấp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 256 thủ tục.

- + Dịch vụ công trực tuyến: 693 thủ tục.

- Tình hình, kết quả thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích: Không có

- Kết quả thực hiện giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính: Không có

- Kết quả giải quyết TTHC từ ngày 15/12/2020 đến ngày 31/3/2025:

- + Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 13547 hồ sơ, trong đó: Hồ sơ trực tuyến 8282 hồ sơ, Hồ sơ trực tiếp: 5253, Hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang: 12 hồ sơ.

- + Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 13240 hồ sơ. Trong đó: Số lượng hồ sơ giải quyết trước hạn 7279 hồ sơ, hồ sơ giải quyết đúng hạn 6232 hồ sơ, hồ sơ giải quyết quá hạn 2 hồ sơ.

- Kết quả thực hiện lấy ý kiến đánh giá của người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC; kết quả về mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về giải quyết TTHC. Tỷ lệ phiếu đánh giá hài lòng đạt 99,8% năm 2024.

Tình hình triển khai thực hiện số hóa kết quả và hồ sơ giải quyết TTHC; kết quả khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa tính từ ngày 01/06/2023 đến ngày 31/3/2025 như sau:

- + Tỷ lệ số hồ sơ có số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ khi tiếp nhận: đạt 96,83% (5211/5438 hồ sơ).

- + Số hóa kết quả giải quyết TTHC: đạt 97,89% (5235 / 5348 hồ sơ)

e) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân về giải quyết thủ tục hành chính.

UBND xã thực hiện việc niêm yết, công khai các quy định, quy trình giải quyết thủ tục hành chính của các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã trên Cổng thông tin điện tử của xã và niêm yết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC. Hằng năm UBND xã đã tổ chức tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa đồng chí Chủ tịch UBND xã với Nhân dân trên địa bàn xã Đại

Đồng về giải quyết thủ tục hành chính. Từ năm 2021 đến nay, UBND xã không nhận được 01 phản ánh, kiến nghị của người dân về TTHC.

2.2. Những tồn tại, hạn chế.

Công tác cải cách TTHC được gắn liền với công tác chuyển đổi số, cụ thể là: nộp hồ sơ bằng tài khoản định danh điện tử, thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính; kết nối, liên thông chia sẻ dữ liệu; tái sử dụng kết quả đã được số hóa... Từ việc chuyển đổi cách tiếp cận TTHC theo hình thức truyền thống sang môi trường điện tử đã tăng thời gian, áp lực cho công chức Bộ phận Một cửa ở xã (trước đây thời gian tiếp nhận thủ tục chứng thực bản sao thực hiện đơn giản hơn, nhưng khi thực hiện thêm bản sao điện tử thì mỗi hồ sơ mất thêm thời gian so với trước đây; bên cạnh đó, công chức Bộ phận Một cửa còn phải hướng dẫn người dân người dân thực hiện thanh toán trực tuyến, cơ bản ban đầu phải làm làm hộ, làm thay cho công dân.

Đối với số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa xã thời gian đầu đạt tỷ lệ thấp, việc sử dụng lại kết quả số hoá hồ sơ chưa đạt. Người dân chưa quan tâm đến việc sử dụng dịch vụ Bru chính công ích để nhận kết quả giải quyết TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện Kế hoạch số 208-KH/TU của Tỉnh uỷ; Kế hoạch số 2029-KH/TU ngày 07/7/2023 của BCH Đảng bộ tỉnh.

- Thực hiện Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định về cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và Nghị quyết 439/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị-xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức.

- + Thực hiện nghiêm túc các quy định của tỉnh, huyện về quản lý biên chế, gắn việc quản lý biên chế với thực hiện tinh giảm biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị định 143/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị định 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ về tinh giảm biên chế. UBND xã đã thực hiện và quản lý về định mức biên chế cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách theo đúng quy định.

+ Hiện tại UBND xã đang thực hiện các bước theo quy trình bố trí sắp xếp cán bộ, công chức theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên: Số lượng, chất lượng cán bộ, công chức xã hiện nay là 19 (trong đó cán bộ là 9 người, công chức là 10 người): Trình độ chuyên môn: Đại học là 19, Trung cấp 0. Trình độ chính trị: Cao cấp là 3, Trung cấp là 14, Sơ cấp là 2.

+ Thực hiện Nghị quyết số 439/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về Quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị-xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: UBND xã đã xây dựng Phương án bố trí, sắp xếp, phân công nhiệm vụ và bố trí kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở thôn và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn thuộc xã Tân Quang. Chế độ phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn được hưởng theo quy định.

- Hàng tháng UBND xã thực hiện nghiêm túc việc đánh giá cán bộ, công chức đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai, chính xác theo Quy định 1071-QĐ/TU của tỉnh ủy Hưng Yên.

3.2. Những tồn tại, hạn chế.

Kỹ năng quản lý, xử lý công việc hành chính và tiếp dân còn hạn chế. Chậm cập nhật các quy định, chính sách mới của Nhà nước.

Vẫn còn một vài cán bộ, công chức còn làm việc theo lối hành chính máy móc, thiếu linh hoạt trong giải quyết vấn đề. Tâm lý e ngại đổi mới, chưa chủ động đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả công việc.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

UBND xã đã triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025. Đến nay, công tác sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức của địa phương ổn định và tiếp tục hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức.

- Về cơ cấu công chức theo vị trí việc làm: Số lượng công chức xã được bố trí theo đúng quy định về vị trí việc làm; hiện nay, CBCC xã đều có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm và được cử bồi dưỡng lý luận chính trị, bồi dưỡng quản lý nhà nước....

- Về đào tạo, bồi dưỡng: Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC của tỉnh, UBND xã đã đăng ký cho cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn theo quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CBCC được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu vị trí việc làm hiện nay.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin:

+ Kết quả gửi nhận văn bản điện tử: Cán bộ, công chức UBND xã đã đưa thực hiện sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành office; thực hiện gửi văn bản đi bằng điện tử, trừ những văn bản theo yêu cầu gửi bản gốc có dấu đỏ hoặc văn bản mật. Tỷ lệ văn bản đi được ký số và gửi điện tử của UBND xã tăng dần qua các năm.

+ Mức độ sử dụng phần mềm: Tình hình mức độ sử dụng, cập nhập, bổ sung thông tin của CBCC trên phần mềm quản lý CBCC được UBND xã chỉ đạo CBCC thường xuyên cập nhật đầy đủ đảm bảo đúng quy định.

+ Sử dụng phần mềm tại Bộ phận một cửa: Cán bộ công chức bố trí tại Bộ phận một cửa thực hiện sử dụng các phần mềm vào tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Quảng Ngãi và các phần mềm có liên quan.

+ Cán bộ công chức UBND xã thực hiện sử dụng chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp vào điều hành, giải quyết công việc hàng ngày.

- Kết quả kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức. Nhìn chung giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức cũng được quán triệt chỉ đạo thường xuyên tại các cuộc họp gian ban thành viên UBND, giao ban cán bộ, công chức định kỳ hàng tháng. Cán bộ, công chức thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của UBND xã, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở. Trong năm 2024, UBND xã có 01 công chức vi phạm bị xử lý kỷ luật hình thức khiển trách do vi phạm chính sách dân số KHHGD

b) Về công chức: Hiện nay UBND xã có 10 công chức gồm: 02 công chức Văn phòng - Thông kê; 02 công chức Tư pháp - Hộ tịch; 03 công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường; 01 công chức Tài chính - Kế toán; 02 công chức Văn hóa - xã hội;

- Về chuyên môn nghiệp vụ: Đại học: 10/10 người, tỷ lệ: 100%.

- Về chính trị: Trung cấp: 08/10 người, tỷ lệ: 80%; , Sơ cấp: 02/10 người, tỷ lệ: 20%, UBND xã thực hiện việc quản lý, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức theo quy định của Luật cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức, viên chức ngày 25/11/2019; Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Đảm bảo số lượng biên chế không vượt quá định biên được giao hàng năm.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Trách nhiệm và hiệu quả thực thi công vụ của cán bộ, công chức vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của nền hành chính hiện đại. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ còn hạn chế. Việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành trong cập nhật văn bản đi và đến tại cơ quan đã được quan tâm, nhưng tỷ lệ chưa cao.

Nguyên nhân: Cải cách chế độ công vụ, công chức là một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp đòi hỏi sự phối hợp của các cấp, các ngành tuy nhiên thực tế trong quá trình triển khai trên địa bàn vẫn còn tình trạng nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức về tầm quan trọng của cải cách chế độ công vụ, công

chức chưa cao; chưa đưa ra được những cải tiến, giải pháp để nâng cao hiệu quả nền công vụ.

5. Cải cách tài chính công

Trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của các cấp, UBND xã đã chủ động khai thác các nguồn thu trên địa bàn, sắp xếp bố trí nhiệm vụ chi theo mục tiêu của địa phương; thường xuyên quán triệt cho cán bộ, công chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu theo hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp nhằm kiềm chế lạm phát; thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. UBND xã đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với tình hình địa phương và áp dụng thực hiện theo đúng quy chế đã ban hành. Thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách theo đúng quy định, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách và dự toán thu - chi ngân sách xã hằng năm để gửi đến các đại biểu tham dự kỳ họp 6 tháng và cuối năm. UBND xã thực hiện các nhiệm vụ thu, chi đúng theo luật ngân sách nhà nước, tiết kiệm chi theo quy định. Đảm bảo chi các hoạt động thường xuyên, chi cho công tác thi đua, khen thưởng, phúc lợi xã hội, văn phòng phẩm.... phục vụ cho hoạt động của UBND xã.

6. Về Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin: Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hằng năm của xã. UBND xã đã xây dựng và ban hành Kế hoạch hàng năm về Chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của UBND xã Tân Quang³.

b) Kết quả tổ chức thực hiện

- UBND xã đã thực hiện phần mềm để gửi, nhận văn bản điện tử trên trực liên thông văn bản điện tử. Đã kịp thời, đảm bảo việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số token được thông suốt và ổn định; triển khai thực hiện trao đổi văn bản qua hộp thư điện tử Mail công vụ (trừ văn bản bí mật nhà nước); thực hiện báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính qua phần mềm báo cáo Chính phủ, báo cáo phần mềm các bộ ngành địa phương theo thời gian quy định. 100% cán bộ công chức đã sử dụng thành thạo xử lý văn bản qua phần mềm quản lý và điều hành Ioffice.

- Thực hiện phần mềm “Một cửa”, “Một cửa liên thông” để tiếp nhận và xử lý hồ sơ cho công dân theo quy định, phần mềm Báo cáo Chính phủ, hệ thống

³ Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc Ban hành quy chế vận hành hệ thống mạng nội bộ, thiết bị bảo mật đảm bảo an toàn thông tin cơ quan;

Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 29/3/2023 về phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng xã Tân Quang; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 6/3/2023 về triển khai thực hiện nhiệm vụ đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số QG năm 2023 trên địa bàn xã Tân Quang

Kế hoạch số ngày 16 tháng 5 năm 2024 về triển khai thực hiện đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý Nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số tại Trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2023 trên địa bàn xã Tân Quang; Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 22/1/2024 về thực hiện chuyển đổi số năm 2024; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 20/01/2025 về thực hiện Chuyển đổi số xã Tân Quang năm 2025.

hộ tịch, chứng thực điện tử, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh Hưng Yên....UBND xã thường xuyên rà soát, nâng cấp, thay thế các trang thiết bị, máy tính cũ hỏng, lạc hậu cho cán bộ, công chức nhằm đảm bảo duy trì hệ thống mạng nội bộ (LAN) hoạt động ổn định, thông suốt; thường xuyên rà soát, thay thế, nâng cấp các trang thiết bị hạ tầng cho cơ quan và hiện đại hóa Bộ phận một cửa.

- Tiếp tục triển khai, ứng dụng và phát triển các hệ thống thông tin dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do tỉnh, huyện triển khai như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư; phần mềm quản lý về cán bộ, công chức, viên chức, CSDL Hộ tịch điện tử. Từng bước thực hiện lộ trình chuyển đổi số, số hoá, xây dựng dữ liệu nền, CSDL dùng chung của tỉnh, huyện.

- Văn bản đến - đi được cập nhật trên phần mềm quản lý và điều hành văn bản. Hệ thống họp trực tuyến được kết nối liên thông từ tỉnh, huyện đến xã đảm bảo, thông suốt và ổn định trong các cuộc họp; thường xuyên rà soát đề nghị cấp và sử dụng hòm thư điện tử công vụ đảm bảo theo quy định

- Thường xuyên cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan; cung cấp dịch vụ công trực tuyến tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp thực hiện tra cứu các TTHC và nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công mức độ 3,4.

- Tiếp tục đẩy mạnh và sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin Một cửa điện tử để cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn xã, đảm bảo phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, hướng tới số hóa hồ sơ, giấy tờ, chuyển hoạt động sử dụng hồ sơ văn bản giấy, giao dịch điện tử nhằm tăng số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết TTHC qua mạng.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Công tác tuyên truyền, bồi dưỡng tập huấn cho người dân về kỹ năng số còn chưa được quan tâm đúng mức.

- Việc tuyên truyền, quán triệt sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao chưa đạt hiệu quả cao; tỷ lệ cán bộ, công chức và người dân biết và khai thác hệ thống dịch vụ công trực tuyến chưa cao. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích không phát sinh vì lý do công dân đa số ở địa phương nên nhận kết quả trực tiếp.

- Năm 2025 có phát sinh 02 hồ sơ xử lý quá hạn là vì thời gian xử lý nhanh, đường truyền mạng yếu, phần mềm quá tải dẫn đến kết thúc hồ sơ trên môi trường điện tử quá hạn.

- Kinh phí chi cho chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin còn chưa đạt yêu cầu.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

- Công tác CCHC tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của cấp trên và cấp ủy, chính quyền địa phương. Xây dựng được kế hoạch hằng năm,

phương hướng nhiệm vụ. Số TTHC được giải quyết trước hạn, đúng hạn ngày càng đạt cao đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, hạn chế trả hồ sơ quá hạn; Việc giải quyết TTHC qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đã đi vào nề nếp, giải quyết các TTHC đội ngũ cán bộ, công chức tiếp tục được chuẩn hóa, trình độ chuyên môn, năng lực nhiệm vụ được nâng cao đáp ứng được yêu cầu của công cuộc CCHC nhà nước; Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành ngày càng được chú trọng; Công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đáp ứng được yêu cầu công việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Bộ phận Một cửa của xã được trang bị cơ bản đầy đủ trang thiết bị để phục vụ việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ của công dân.

Các thủ tục hành chính được quy định cụ thể về quy trình, thời gian xử lý và mức thu phí (nếu có) nên dễ dàng trong việc áp dụng thực hiện tại địa phương.

Nhận thức, ý thức về kỷ luật, kỷ cương hành chính đã có nhiều chuyển biến tích cực, Đảng ủy, Chính quyền, Mặt trận và các Hội, Đoàn thể trong hệ thống chính trị của xã đã xem việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính là một trong những nội dung quan trọng, là biện pháp hữu hiệu để tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ đề ra. Hoạt động công vụ của từng cán bộ, công chức người lao động ngày càng đi vào nề nếp, góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước. Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Các Quyết định của UBND huyện: số 05/2017/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Văn Lâm, số 2932/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 ban hành Quy tắc ứng xử của CBCCVV trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập huyện Văn Lâm...và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành khác được ban hành thì việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính nên của đội ngũ cán bộ, công chức xã được nâng cao rõ rệt.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Các phần mềm ở địa phương đang sử dụng thường xuyên bị lỗi, nhất là lĩnh vực hộ tịch, chưa được khắc phục kịp thời, dẫn đến khó khăn trong khâu tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

- Việc thanh toán trực tuyến vẫn còn nhiều bất cập, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, cụ thể: trạng thái thanh toán giữa các Hệ thống (ví điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính địa phương...) chưa đồng bộ kịp thời. Điều này ảnh hưởng đến việc khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện thanh toán trực tuyến.

- Mặc dù, công tác tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến được tuyên truyền nhưng số lượng hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công còn hạn chế. Một phần do việc thực hiện các bước tạo tài khoản và nộp hồ sơ còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, phần lớn cá nhân, tổ chức vẫn còn tâm lý cho rằng việc thực hiện thủ tục hành chính trực tiếp là thiết thực và nhanh chóng nhất; đặc biệt đối với bộ phận người dân còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị máy tính, internet....

- Một số thủ tục hành chính tại cấp xã vẫn còn phức tạp, gây bất tiện và tốn thời gian cho người dân. Nguồn lực và những điều kiện bảo đảm cần thiết cho CCHC còn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Nguyên nhân hạn chế trong cải cách hành chính do các yếu tố sau:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện về cải cách thủ tục hành chính chưa được quan tâm đúng mức, thường xuyên, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính.

2. Ý thức trách nhiệm của một vài công chức chưa cao, chưa thật sự chủ động trong thực hiện nhiệm vụ; thiếu kiến thức, kinh nghiệm về chuyên môn. Việc hướng dẫn, trao đổi kinh nghiệm giữa các phòng chuyên môn với với cơ sở còn hạn chế.

3. Khả năng đáp ứng về con người, cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin chưa đảm bảo. Nhiều quy trình về xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử chưa đáp ứng được chức năng ký số và phê duyệt của lãnh đạo.

4. Người dân còn hạn chế trong việc tiếp cận thông tin, chưa thật sự ủng hộ, quan tâm đến công tác cải cách thủ tục hành chính; chưa yên tâm, tin tưởng khi lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ Bru chính công ích; còn tâm lý lo sợ bị mất, thất lạc hồ sơ khi giấy tờ, tài liệu phải nộp là bản gốc.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

Căn cứ vào kết quả giai đoạn 2021 - 2025; chủ trương, đường lối của Đảng, từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, UBND xã đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 những nội dung sau:

1. Về cải cách thể chế

Tiếp tục xây dựng và triển khai văn bản thực hiện các chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật trong đó tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng văn bản, áp dụng kỹ thuật tiên bộ trong soạn thảo, tham vấn ý kiến rộng rãi của Nhân dân, tổ chức và xã hội trong quá trình định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Gắn với hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua ứng dụng CNTT và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, tổ chức chính trị- xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng công tác cải cách hành chính đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động và Nhân dân trên địa bàn để từ đó mỗi cá nhân nắm rõ và nhận thức sâu sắc tầm quan trọng công tác cải cách hành chính. Công tác thông tin, tuyên truyền phải bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú, đa dạng đảm bảo thực chất, hiệu quả. Tăng cường công tác tuyên truyền về các lợi ích của dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến,

khuyến khích thực hiện tăng tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến. Thực hiện kiểm soát và rà soát thủ tục hành chính theo quy định nhất là TTHC thuộc các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư,... Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng CNTT. Xử lý công việc 100% trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị trực tuyến, không giấy tờ. Nâng mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính đạt tối thiểu 95%.

3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Triển khai thực hiện có hiệu quả hướng dẫn về vị trí việc làm và định mức biên chế công chức theo các quy định của cấp trên, phát huy tối đa nguồn biên chế được giao. Bố trí cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ổn định, đúng chuyên môn, chức năng nhiệm vụ; tiếp tục triển khai việc rà soát, cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, tư pháp, hộ tịch... để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

4. Về cải cách chế độ công vụ

Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có chất lượng cao, 100% cán bộ công chức có trình độ đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. Đổi mới phương thức làm việc, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức. Thực hiện nghiêm quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tăng hiệu quả giải quyết TTHC có tính chất liên ngành; triển khai thực hiện có hiệu quả bộ phận một cửa điện tử hiện đại để rút ngắn thời gian giải quyết. Tăng cường công tác kiểm tra CCHC, kiểm tra công vụ nhằm nâng cao kỷ luật, kỷ cương, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính. Nâng cao hơn nữa vai trò giám sát, phản biện xã hội của HĐND, các Ban HĐND, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn; đổi mới và tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động; huy động sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp vào công tác cải cách hành chính.

5. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Phổ biến, hướng dẫn để 100% người dân có nhu cầu giải quyết TTHC trên cổng DVC bằng nhiều phương tiện khác nhau, kể cả thiết bị di động. Cán bộ, công chức chủ động ứng dụng công nghệ AI phục vụ hoạt động công vụ và phục vụ Nhân dân. Tiếp tục mở các lớp tập huấn về nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật chuyên sâu vào công tác điều hành, quản lý và thực hiện nhiệm vụ được giao. Xây dựng lộ trình, kế hoạch nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo an toàn thông tin gắn với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; chú trọng thực hiện chuyển đổi số trong việc xây dựng dữ liệu, phần mềm chuyên ngành để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, như công tác quản lý cán bộ, đầu tư công, tài chính công, tài sản công, hồ sơ địa chính, đất đai...; thực hiện tốt công tác quản trị, đăng tin bài, cập nhật, duy trì Trang thông tin điện tử nhằm phát huy tối đa hiệu quả.

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về cải cách thể chế

Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn; cải cách chính sách tiền lương phù hợp.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

Cắt giảm, đơn giản hóa những TTHC không cần thiết, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc. Nâng cao hiệu quả hoạt động tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính, TTHC. Thực hiện có hiệu quả kiểm soát TTHC và việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức của cơ quan, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính; Sắp xếp, giảm tối đa các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

4. Về cải cách chế độ công vụ

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC nhà nước trong giai đoạn tới. Ban hành cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phân cấp. Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

5. Về cải cách tài chính công

Hoàn thiện hệ thống các quy định pháp lý liên quan trực tiếp đến minh bạch ngân sách, bao gồm các quy định về công khai ngân sách của cơ quan Đảng, các chương trình, dự án đầu tư cơ bản; trách nhiệm giải trình và các chế tài đối với các đơn vị không thực hiện công khai ngân sách; hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến trách nhiệm và phương thức kiểm tra, giám sát minh bạch ngân sách, đảm bảo các cơ chế, chính sách về giám sát cộng đồng và dân chủ cơ sở được ban hành rõ ràng, đầy đủ, dễ hiểu và dễ thực hiện. Ngoài ra, cần quy định rõ về công tác đánh giá và trách nhiệm giải trình các số liệu công khai của các bên liên quan; đưa ra các quy định về việc kiểm tra, thanh tra, xử lý kết quả khi vi phạm đối với các đối tượng có liên quan trong việc thực hiện chế độ công khai ngân sách.

6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Nghiên cứu, triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy

từ Xây dựng nền tảng ứng dụng các hệ thống cơ sở dữ liệu lớn; triển khai các dịch vụ đô thị thông minh và cung cấp các dịch vụ cho người dân.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác: Không có

Trên đây, là báo cáo kết quả Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh CCHC nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của UBND xã Tân Quang./.

(Kèm theo các Phụ lục)

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Đảng ủy- HĐND-UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Đào Ngọc Hoàn

PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 1

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>kết luận, chỉ thị công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	07	15	15	40	15
2	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm					
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	34	45	45	80	95
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn hành	34	45	45	80	13
3	Kiểm tra CCHC					
3.1	Số đơn vị kiểm tra					
3.2	Tỷ lệ xử lý vấn đề qua kiểm tra					
3.2.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra					
3.2.2	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý					
4	Tuyên truyền CCHC					
4.1	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (<i>Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0</i>)					
4.2	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài truyền thanh xã (UBND cấp huyện báo cáo)					
4.3	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC do đơn vị tổ chức	01	01	01	01	01
4.4	Xây dựng chuyên mục	0	1	1	1	1

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
	CCHC trên Cổng/Trang TTĐT của đơn vị (Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)					
4.5	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).		Hệ thống truyền thanh Băng rôn, khẩu hiệu	Hệ thống truyền thanh Băng rôn, khẩu hiệu	Hệ thống truyền thanh Băng rôn, khẩu hiệu	Hệ thống truyền thanh Băng rôn, khẩu hiệu
5	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng	0	02	0	0	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp	0	1	1	1	
7	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao					
7.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	150	456	259	255	54
7.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	150	456	259	255	49
7.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	0	0	0	0	0
7.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	0	0	0	0	0

Phụ lục 2
Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí		Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành						
	Chia theo tên loại VBQPPL	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sở, ngành tham mưu)					
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sở, ngành tham mưu)					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện					
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	0	0	0	01	0
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	0	0	0	01	0
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL						
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra thuộc thẩm quyền						
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra						
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra						
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong						
3	Rà soát VBQPPL						
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền						
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát						
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát						
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong						
4	Số VBQPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền		0	0	0	0	0
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý		0	0	0	0	0
6	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật		0	0	0	0	0

Phụ lục 3
Thông kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính
của các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Thông kê TTHC					
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	01	02	07	0	
1.2	Số TTHC công bố mới					
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế					
1.4	Tổng số TTHC của sở, ban, ngành					
2	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang Thông tin điện tử		156	117	123	132
3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông					
3.1	Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp sở, ngành					
3.2	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện					
3.3	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã	2825	3894	3326	2679	892
3.4	Số TTHC liên thông cùng cấp					
3.5	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền					
3.6	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính					
4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC					
4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC sở, ban, ngành giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)					
4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)					
4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)	100	100	100	100	99.77
5	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC					
5.1	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm					
5.2	Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm					
5.3	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng/Trang TTĐT					
6	Số hóa hồ sơ					
6.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	0	4711	8795	9672	9687
6.2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa					
6.3	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử					

Phụ lục 4
Thông kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy nhà nước
của các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Chỉ tiêu thống kê	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy					
1.1.	Sở, ban, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.2.	UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.3.	Số tổ chức liên ngành do sở, ban, ngành chủ trì thành lập					
2	Số liệu về biên chế công chức					
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	22	22	22	23	23
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	19	18	18	22	21
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính					
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong năm					
2.5.	Tỷ lệ % biên chế công chức đã tinh giản so với 2015					
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập					
3.1.	Tổng số người làm việc được giao					
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo					
3.3.	Số người đã tinh giản trong năm					
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với 2015					

Phụ lục 6
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách chế độ công vụ
của các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan, đơn vị, địa phương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức					
1.1	Cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định					
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định					
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra					
2	Tuyển dụng công chức, viên chức					
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	01	0	01	04	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt					
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên					
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)					
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt					
3	Số lượng CBCCVC bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).					
3.1	Số lãnh đạo sở, ban, ngành bị kỷ luật					
3.2	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật					
3.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành bị kỷ luật.					
3.4	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật					
3.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật					
4	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hằng năm					
5	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng					

Phụ lục 7
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công
của các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan, đơn vị, địa phương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công					
1.1.	Kế hoạch được giao					
1.2.	Đã thực hiện					
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) công lập trực thuộc (lũy kế đến thời điểm báo cáo)					
	Tổng số ĐVSN công lập					
2.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư					
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên					
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên					
2.3.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên					
2.3.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên					
2.3.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên					
2.4.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					
2.5.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)					

Phụ lục 8
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số của các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất					
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến liên thông các cấp	100	100	100	100	100
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	100	100	100	100	100
4.	Triển khai sử dụng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).					
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử					
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã					
5.1.1.	<i>Sở, ban, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>					
5.1.2.	<i>UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>					
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện</i>					
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>)					
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>					
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>					
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	100	100	100	100	100
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh					
5.3.1.	<i>Sở, ban, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>					
5.3.2.	<i>UBND cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>					
5.3.3.	<i>Số lượng/tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>					
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến					

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện					
6.1.1.	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>					
6.1.2.	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>					
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)					
6.2.1	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>					
6.2.2.	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>					
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình					
6.3.1	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>					
6.3.2	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình</i>					
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần					
6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	0				
6.4.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>	0				
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến					
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>					
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh</i>					

Phụ lục 9
Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước
của các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được (Nêu số liệu cụ thể nếu có)	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
1	Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp		Đạt
2	Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử		Đạt
3	Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên		Đạt
4	Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử		Đạt
5	Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến toàn trình hoặc một phần. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%		Đạt
6	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%		Đạt
7	90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời		Đạt

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được (Nêu số liệu cụ thể nếu có)	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
8	80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ		Đạt
9	Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định		Đạt
10	Giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021		
11	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%		Đạt
12	Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định		Đạt
13	Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		
14	100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương		
15	80% các hệ thống thông tin của sở, ban, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại		

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được <i>(Nêu số liệu cụ thể nếu có)</i>	Đánh giá kết quả đạt được <i>(Đạt/Không đạt)</i>
16	100% hệ thống báo cáo của các cơ quan, đơn vị được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia		Đạt
17	90% hồ sơ công việc tại sở, ban, ngành tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)		Đạt
18	100% cơ quan, đơn vị hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi nhiệm vụ Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực		